

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 3507/2025/N2512.58

Đơn vị được lấy mẫu : Công ty Cổ phần Phân lân Ninh Bình
Địa chỉ : Thôn Bộ Đầu, Phường Nam Hoa Lư, Tỉnh Ninh Bình
Loại mẫu : Khí thải
Ngày lấy mẫu : 16/12/2025 Ngày thử nghiệm : 16/12/2025 – 31/12/2025
Thông tin về mẫu : NT1 (N2512.58): Nước thải sinh hoạt trước khi xả ra môi trường; Tọa độ: X 2235764; Y 0600504
Tình trạng hoạt động : Công ty hoạt động bình thường trong thời gian lấy mẫu.

TT	Thông số phân tích	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả	QCVN 14:2008/BTNMT (Cột A)
				NT1	
1	pH	-	TCVN 6492:2011	7,16	6-9
2	BOD ₅ (20 °C)	mg/l	TCVN 6001-1:2021	20	36
3	TSS	mg/l	TCVN 6625:2000	55	60
4	NH ₄ ⁺ (Tính theo N)	mg/l	TCVN 6179-1:1996	0,54	6
5	NO ₃ ⁻ (Tính theo N)	mg/l	SMEWW 4500.NO ₃ ⁻ .E:2023	5,40	36
6	PO ₄ ³⁻ (Tính theo P)	mg/l	TCVN 6202:2008	0,30	7,2
7	S ⁻² (Tính theo H ₂ S)	mg/l	TCVN 6637:2000	<0,15	1,2
8	Dầu mỡ động thực vật	mg/l	SMEWW 5520B&F:2023	<1,0	10
9	Chất HDBM	mg/l	TCVN 6622-1:2009	<0,09	6
10	Coliforms	MPN/100ml	SMEWW 9221B:2023	1600	3.000

Ghi chú:

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 14:2008/BTNMT – Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc Gia về nước thải sinh hoạt.
- + Cột A: Quy định giá trị của các thông số ô nhiễm trong nước thải sinh hoạt khi xả vào nguồn nước dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt; hệ số K=1,2.

Hà Nội, ngày 31 tháng 12 năm 2025

CÁN BỘ LẬP PHIẾU

QA/QC

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

Phạm Thị Hương

Trần Mạnh Quân

Trịnh Quang Hoan

1. Kết quả này không được phép sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm môi trường và sản xuất sạch (CECP)
2. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm;
5. Kết quả NTP được đánh dấu (*).

3. Thời gian lưu mẫu 5 ngày, kể từ ngày trả kết quả. Hết thời gian lưu mẫu, CECP không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại kết quả thử nghiệm của khách hàng;
4. Thông tin về mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của người gửi mẫu;

Trang 1

PHIẾU KẾT QUẢ QUAN TRẮC

Số: 3504/2025/KT2512.58/1-2

Đơn vị được lấy mẫu : Công ty Cổ phần Phân lân Ninh Bình
Địa chỉ : Thôn Bộ Đầu, Phường Nam Hoa Lư, Tỉnh Ninh Bình
Loại mẫu : Khí thải
Ngày lấy mẫu : 16-17/12/2025 **Ngày thử nghiệm** : 16/12/2025 – 31/12/2025
Thông tin về mẫu : **KT1 (KT2512.58/1)**: Khí thải lò cao số 1; Tọa độ: X 2235560; Y 0600405
KT2 (KT2512.58/2): Khí thải lò cao số 2; Tọa độ: X 2235557; Y 0600421
Tình trạng hoạt động : Công ty hoạt động bình thường trong thời gian lấy mẫu.

TT	Thông số phân tích	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả		QCVN 21:2009/ BTNMT (cột B)- Cmax	QCVN 19:2009/ BTNMT (cột B)- Cmax
				KT1	KT2		
1	Lưu lượng	m ³ /h	EPA Method 2	22.714	24.108	-	-
2	Nhiệt độ	°C	CECP.KT.NĐ	358	242	-	-
3	Bụi tổng	mg/Nm ³	EPA Method 5	56	61	180	180
4	SO ₂	mg/Nm ³	CECP.KT.SO2	427,06	398,24	450	450
5	NO _x (tính theo NO ₂)	mg/Nm ³	CECP.KT.NO2	75,20	84,60	765	765
6	CO	mg/Nm ³	CECP.KT.CO	889,20	166,44	-	900
7	Hơi H ₂ SO ₄	mg/Nm ³	EPA Method 8	<3	<3	45	45
8	H ₂ S	mg/Nm ³	JIS K 0108:2010	<3	<3	-	6,75
9	NH ₃	mg/Nm ³	JIS K 0099:2020	<12	<12	45	45
10	HF(*)	mg/Nm ³	US EPA Method 26A	KPH (LOD=0,05)	KPH (LOD=0,05)	-	18
11	Tổng Florua (F)(**)	mg/Nm ³	US EPA Method 13B	<1,2 (MDL)	<1,2 (MDL)	45	-

Ghi chú:

- QCVN 21:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về khí thải công nghiệp sản xuất phân bón Cột B. Với hệ số Kp=0,9; Kv=1,0.
- QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ, Cột B. Với hệ số Kp=0,9; Kv=1,0.
- (-): Không thực hiện, không quy định
- (*): Thông số sử dụng kết quả phân tích của nhà thầu phụ Công ty Cổ phần Khoa học và Công nghệ Việt nam (Vimcerts 121);
- (**): Thông số sử dụng kết quả phân tích của nhà thầu phụ Viện Nghiên cứu công nghệ kỹ thuật môi trường (Vimcerts 332);

Hà Nội, ngày 31 tháng 12 năm 2025

CÁN BỘ LẬP PHIẾU

QA/QC

Phạm Thị Hương

Trần Mạnh Quân

Phạm Thị Hương

Trần Mạnh Quân

KẾT GIẢM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC
TRUNG TÂM
MÔI TRƯỜNG VÀ
SẢN XUẤT SẠCH
CỤC KỸ THUẬT AN TOÀN VÀ MÔI TRƯỜNG CÔNG NGHIỆP

Trịnh Quang Hoan

- Kết quả này không được phép sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm môi trường và sản xuất sạch (CECP)
- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm;
- Kết quả NTP được đánh dấu (*).

- Thời gian lưu mẫu 5 ngày, kể từ ngày trả kết quả. Hết thời gian lưu mẫu, CECP không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại kết quả thử nghiệm của khách hàng;
- Thông tin về mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của người gửi mẫu;

PHIẾU KẾT QUẢ QUAN TRẮC

Số: 3505/2025/KT2512.58/3-4

Đơn vị được lấy mẫu : Công ty Cổ phần Phân lân Ninh Bình
Địa chỉ : Thôn Bộ Đầu, Phường Nam Hoa Lư, Tỉnh Ninh Bình
Loại mẫu : Khí thải
Ngày lấy mẫu : 16-17/12/2025 **Ngày thử nghiệm** : 16/12/2025 – 31/12/2025
Thông tin về mẫu : **KT3 (KT2512.58/3)**: Ống khói khu vực sản xuất phân NPK 1 mẫu (ống sấy nóng 1); Tọa độ: X 2235415; Y 0600306
KT4 (KT2512.58/4): Ống khói khu vực sản xuất phân NPK 1 mẫu (ống sấy nóng 2); Tọa độ: X 2235402; Y 0600305
Tình trạng hoạt động : Công ty hoạt động bình thường trong thời gian lấy mẫu.

TT	Thông số phân tích	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả		QCVN 21:2009/BT NMT (cột B)-Cmax	QCVN 19:2009/BT NMT (cột B)-Cmax
				KT3	KT4		
1	Lưu lượng	m ³ /h	EPA Method 2	9.748	8.096	-	-
2	Nhiệt độ	°C	CECP.KT.NĐ	38	46	-	-
3	Bụi tổng	mg/Nm ³	EPA Method 5	36	40	180	180
4	SO ₂	mg/Nm ³	CECP.KT.SO2	7,86	13,1	450	450
5	NO _x (tính theo NO ₂)	mg/Nm ³	CECP.KT.NO2	13,16	11,28	765	765
6	CO	mg/Nm ³	CECP.KT.CO	17,10	6,84	-	900

Ghi chú:

- QCVN 21:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về khí thải công nghiệp sản xuất phân bón Cột B. Với hệ số Kp=0,9; Kv=1,0.
- QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ, Cột B. Với hệ Kp=0,9; Kv=1,0.
- (-): Không thực hiện, không quy định

Hà Nội, ngày 31 tháng 12 năm 2025

CÁN BỘ LẬP PHIẾU

Phạm Thị Hương

Phạm Thị Hương

QA/QC

Trần Mạnh Quân

Trần Mạnh Quân

**KT. GIÁM ĐỐC
KHU GIÁM ĐỐC**



Trịnh Quang Hoan

1. Kết quả này không được phép sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm môi trường và sản xuất sạch (CECP)
2. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm;

3. Thời gian lưu mẫu 5 ngày, kể từ ngày trả kết quả. Hết thời gian lưu mẫu, CECP không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại kết quả thử nghiệm của khách hàng;
4. Thông tin về mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của người gửi mẫu;

PHIẾU KẾT QUẢ QUAN TRẮC

Số: 3506/2025/KT2512.58/5-6

Đơn vị được lấy mẫu : Công ty Cổ phần Phân lân Ninh Bình
Địa chỉ : Thôn Bộ Đầu, Phường Nam Hoa Lư, Tỉnh Ninh Bình
Loại mẫu : Khí thải
Ngày lấy mẫu : 16-17/12/2025 Ngày thử nghiệm : 16/12/2025 – 31/12/2025
Thông tin về mẫu : **KT5 (KT2512.58/5):** Ống khói khu vực sản xuất phân NPK 1 màu (ống sấy lạnh 1); Tọa độ: X 2235411; Y 0600305
KT6 (KT2512.58/6): Ống khói khu vực sản xuất phân NPK 1 màu (ống sấy lạnh 2); Tọa độ: X 2235408; Y 0600305
Tình trạng hoạt động : Công ty hoạt động bình thường trong thời gian lấy mẫu.

TT	Thông số phân tích	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả		QCVN 21:2009/BT NMT (cột B)-Cmax	QCVN 19:2009/BT NMT (cột B)-Cmax
				KT5	KT6		
1	Lưu lượng	m ³ /h	EPA Method 2	8.582	8.888	-	-
2	Nhiệt độ	°C	CECP.KT.NĐ	25	28	-	-
3	Bụi tổng	mg/Nm ³	EPA Method 5	32	35	180	180
4	SO ₂	mg/Nm ³	CECP.KT.SO2	5,24	2,62	450	450
5	NO _x (tính theo NO ₂)	mg/Nm ³	CECP.KT.NO2	1,88	3,76	765	765
6	CO	mg/Nm ³	CECP.KT.CO	1,14	2,28	-	900

Ghi chú:

- QCVN 21:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về khí thải công nghiệp sản xuất phân bón Cột B. Với hệ số Kp=0,9; Kv=1,0.
- QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ, Cột B. Với hệ Kp=0,9; Kv=1,0.
- (-): Không thực hiện, không quy định

Hà Nội, ngày 31 tháng 12 năm 2025

CÁN BỘ LẬP PHIẾU

QA/QC

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

(Signature)

(Signature)



Phạm Thị Hương

Trần Mạnh Quân

Trịnh Quang Hoan

- Kết quả này không được phép sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm môi trường và sản xuất sạch (CECP)
- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm;
- Kết quả NTP được đánh dấu (*).

- Thời gian lưu mẫu 5 ngày, kể từ ngày trả kết quả. Hết thời gian lưu mẫu, CECP không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại kết quả thử nghiệm của khách hàng;
- Thông tin về mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của người gửi mẫu;